

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày 11/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Thắm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

Ngày 11/4/2025, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-DS, ngày 29/10/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-DS, ngày 05/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS ngày 25/3/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tiết Ninh K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Huỳnh Minh K1, sinh năm 1980.

2.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Vào ngày 25/3/2022, ông có cho ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất là 20%/năm nhưng đến nay ông K1 và bà L vẫn không thanh toán cho ông. Nay ông yêu cầu ông K1 và bà L trả số tiền

36.600.000 đồng, bao gồm tiền gốc 25.000.000 đồng, lãi 11.600.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện đến khi kết thúc vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2025 bị đơn ông Huỳnh Minh K1 trình bày:

Vào năm 2022 ông có vay của ông Phan Văn T số tiền 25.000.000 đồng, ông có trả gốc và lãi cho ông T một phần nhưng không xác định được bao nhiêu. Ông sẽ đối chiếu lại với ông T và có ý kiến sau.

Đối với bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về xác định quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 36.600.000 đồng và lãi suất đến khi kết thúc vụ án. Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về xác định thẩm quyền: Ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung khởi kiện:

[4.1]. Nguyên đơn ông Phan Văn T yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L trả số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và lãi suất 11.600.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông Phan Văn T cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ có chữ ký của ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Minh K1 cũng thừa nhận có vay số tiền như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, ông Huỳnh Minh K1 cho rằng có đóng lãi và vốn cho ông Phan Văn T một phần nhưng không nhớ rõ bao nhiêu. Lời trình

bày của ông không được nguyên đơn thừa nhận và ông cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L nhưng ông K1 và bà L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh ông Huỳnh Minh K1 trình bày có đóng lãi và trả gốc được một phần thì phải cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Xét thấy việc ông K1 không chứng minh được số tiền gốc và lãi đã trả thì phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh được. Như vậy ông Phan Văn T yêu cầu ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L trả số tiền gốc là 25.000.000 đ là có căn cứ.

[4.2]. Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm từ ngày vay cho đến ngày kết thúc vụ án với số tiền 11.600.000 đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ, trong biên nhận nợ không thể hiện lãi suất vay là bao nhiêu và cũng không xác định thời hạn vay. Do đó, khi có yêu cầu ông Phan Văn T phải báo trước cho ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L một thời gian hợp lý nhưng ông Phan văn T cũng không chứng minh được về việc có báo trước. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên cũng không thống nhất được về mức lãi suất vay và số tiền lãi đã đóng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 486 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự tính lãi suất 10%/năm và thời hạn tính lãi là sau 30 ngày kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án và thông báo việc thụ lý cho đương sự. Thời gian tính lãi là từ ngày 29/11/2024 đến ngày xét xử 11/4/2025 là 04 tháng 13 ngày tương ứng với số tiền lãi là 919.917 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi các bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 25.919.917 đồng. Như vậy chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí 5% tương ứng với số tiền phải trả là 1.295.995 đồng. Nguyên đơn được miễn án phí nên không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Các đương sự còn được kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 91, 147, khoản 3 Điều 200, Điều 227, 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T. Buộc ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn T số tiền vốn và lãi là 25.919.917 đồng (*Hai mươi lăm triệu chín trăm mười chín ngàn chín trăm mười bảy đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất do chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Minh K1 và bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 1.295.995 đồng (*Một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi lăm đồng*).

Ông Phan Văn T thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quách Thị Mỹ Trúc